

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2021

“V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiểu và bà Đặng Thị T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

2. *Bị đơn:* Ông Phan Việt Tr, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà T và ông Phan Việt Tr tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Phan Trung N, sinh năm 1999 và Phan Ngọc Diễm Q, sinh ngày 27/9/2003.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Phan Việt Tr. Về con chung: Bà T yêu cầu giao con chung là cháu Phan Ngọc Diễm Q, sinh ngày 27/9/2003 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Quỳnh đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông Phan Việt Tr cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, đến thời điểm xét

xử cháu Phan Ngọc Diễm Q, sinh ngày 27/9/2003 đã đủ 18 tuổi, do đó, bà T xin rút yêu cầu khởi kiện về con chung. Về tài sản chung và công nợ: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Việt Tr trình bày:

Bị đơn ông Phan Việt Tr đã được Tòa án thông báo về việc khởi kiện. Ông Phan Việt Tr cho rằng ông và bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành (nay là phường Quảng Thành), thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông từ năm 1997 nhưng đã mất giấy đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng ông Tr không có mặt tại các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt tại Tòa án để tham gia các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án là vi phạm quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T; tuyên không công nhận bà Trần Thị Thanh T và ông Phan Việt Tr là vợ chồng. Về con chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về con chung. Về tài sản và công nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà Trần Thị Thanh T và ông Phan Việt Tr là vợ chồng. Bị đơn ông Phan Việt Tr trú tại tổ dân phố 5, phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T xác nhận ông bà chung

sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Chính quyền địa phương nơi bà T, ông Tr cư trú cũng xác nhận bà T và ông Tr chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn. Việc ông Tr cho rằng ông bà có đăng ký kết hôn là không có cơ sở. Như vậy, việc bà T và ông Tr chung sống với nhau như vợ chồng mà không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Tr.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...

Và tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.

[2.2] *Về con chung*: Ngày 28/9/2021 bà Trần Thị Thanh T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về con chung vì con chung đã trên 18 tuổi. Việc rút phần yêu cầu khởi kiện này của bà T là hoàn toàn tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về tài sản và công nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] *Về án phí*: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T.

Không công nhận bà Trần Thị Thanh T và ông Phan Việt Tr là vợ chồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T về việc yêu cầu về con chung.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002479 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- UBND phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Yên